

CHƯƠNG TRÌNH “THÁNG TÌM HIỂU VIỆT NAM TRONG TPP”

**SEMINAR CHUYÊN ĐỀ 5**

**ẢNH HƯỞNG CỦA TPP ĐỐI VỚI  
LUẬT VỀ QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN  
CỦA NGƯỜI DÂN TẠI VIỆT NAM**

Người trình bày: **TS. Lê Thị Hồng Nhung**<sup>1</sup>

Ngày: 25/03/2016

**TRAO ĐỔI VÀ THẢO LUẬN**

Trình bày về ảnh hưởng của TPP đến quyền tiếp cận thông tin của người dân ở Việt Nam, TS. Lê Thị Hồng Nhung tập trung phân tích dự luật tiếp cận thông tin vừa được Quốc hội đưa ra thảo luận ngày 24/03/2016 và dự kiến thông qua vào ngày 06/04/2016. Trong đó, các nội dung chính bao gồm: Quyền tiếp cận thông tin và dự luật tiếp cận thông tin; Sự cần thiết về quy định minh bạch trong TPP; và Một số tác động cơ bản của TPP đối với dự luật tiếp cận thông tin.

TS. Nhung cho rằng quyền con người gắn liền với những nhu cầu của con người thể hiện qua tháp nhu cầu của Maslow với 5 nấc thang nhu cầu: sinh lý (ăn, mặc, ở), an toàn, xã hội, tôn trọng, tự thể hiện. Gắn với mỗi nấc thang này, con người cần những thông tin cần thiết để đảm bảo đạt được nhu cầu của mình trong suốt quá trình phát triển và tồn tại. Theo cách hiểu thông thường, quyền tiếp cận thông tin là quyền của người dân được tiếp

---

<sup>1</sup> Khoa Luật, Trường Đại học Mở TPHCM

cận các thông tin do Nhà nước, cá nhân, cơ quan, tổ chức nắm giữ nhằm thỏa mãn các nhu cầu hợp pháp của mình cũng như để thực hiện các quyền năng khác đã được pháp luật ghi nhận. Đến nay, đã có hơn 100 quốc gia ban hành luật về quyền tiếp cận thông tin. Văn bản pháp lý đầu tiên trên thế giới quy định về quyền tiếp cận thông tin là Luật tự do báo chí năm 1766 của Thụy Điển, trong đó cho phép công dân có quyền tiếp cận thông tin của nhà nước nhằm đảm bảo người dân có thể chống lại sự lạm quyền của nhà nước. Nhưng ngày nay, thông tin được tiếp cận không chỉ là những thông tin nắm giữ bởi nhà nước mà còn bao gồm thông tin của các cá nhân, tổ chức, chẳng hạn như các thông tin về môi trường, thông tin trên thị trường chứng khoán.



*Hình 1: Khung cảnh tọa đàm buổi tọa đàm*

Quyền tiếp cận thông tin có những đặc tính cơ bản của quyền con người, được ghi nhận trong những văn bản pháp lý quốc tế quan trọng về quyền con người như Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966. Các đặc điểm cơ bản bao gồm: tính phổ biến, tính đặc thù, tính không thể tước đoạt, tính không thể phân chia và tính liên hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các quyền con người. Bên cạnh đó, quyền tiếp cận thông tin cũng có những

đặc thù riêng trong đó đặc trưng nhất là tính không tuyệt đối (nghĩa là có những giới hạn về tiếp cận thông tin), ngoài ra là tính bảo đảm, tính phụ thuộc, tính kịp thời và tính đa dạng. Tính kịp thời, tính mới là rất quan trọng vì nếu thông tin không giúp bồi đắp thêm hiểu biết của con người thì sẽ không có giá trị.

Dự thảo luật tiếp cận thông tin được bắt đầu soạn thảo từ năm 2008, đã qua 6 lần chỉnh sửa chính thức<sup>2</sup> và hơn 20 phiên bản không chính thức, nhưng đến nay vẫn chưa được thông qua. Điều này cho thấy sự lúng túng trong quá trình soạn thảo và thống nhất các quy định pháp luật của cơ quan nhà nước. Theo TS. Nhung, nguyên nhân không phải do vấn đề khoa học vì đã có rất nhiều nghiên cứu trong nước về luật tiếp cận thông tin được thực hiện, bao gồm các luận án tiến sĩ, thạc sĩ và nghiên cứu khoa học. Lý do của sự chậm trễ thông qua có thể do người dân và nhà nước chưa đủ quyết tâm chính trị để ban hành luật này, vì việc công nhận quyền của người dân sẽ đi đôi với trách nhiệm của nhà nước trong việc công khai thông tin và đảm bảo cho người dân được quyền tiếp cận các thông tin không chỉ của nhà nước mà còn của tư nhân. Ngoài ra, một số vấn đề quan trọng còn chưa được xác định thống nhất khi soạn thảo luật là: cơ quan nào có trách nhiệm trong việc công bố thông tin? những thông tin nào được xem là bí mật, người dân không được quyền tiếp cận? cơ chế nào để giám sát, bảo vệ quyền tiếp cận thông tin của người dân? Dự luật này có thể được thông qua trong tháng 4/2016, dù các quy định chưa thực sự hoàn thiện nhưng đây sẽ là một bước tiến lớn của pháp luật Việt Nam, thể hiện được sự tôn trọng của Việt Nam trước các hiệp ước quốc tế.

Bàn về sự cần thiết quy định về minh bạch trong TPP, có 3 lý do chính để TPP cần quy định về tiếp cận thông tin là: (i) Bảo đảm cách hiểu thống nhất giữa các thành viên trong diễn đàn TPP vì quyền tiếp cận thông tin không chỉ có tính phổ quát mà có những tính đặc thù, có thể sẽ tồn tại những cách hiểu không đồng nhất giữa các thành viên; (ii) Hạn chế tình trạng bất đối xứng thông tin nhằm bảo đảm bình đẳng trong các quan hệ kinh tế; (iii) Giúp đảm bảo khả năng dự đoán của pháp luật. Các quy định minh bạch sẽ hướng

<sup>2</sup> Có 6 bản dự thảo được công bố chính thức trên website của Quốc hội

đến yêu cầu nhà nước công bố trước các dự thảo luật, dự thảo văn bản chính sách và lắng nghe góp ý của các chủ thể liên quan. Nhờ đó, các doanh nghiệp có thể dự báo được sự thay đổi của chính sách và có sự chuẩn bị để ngăn ngừa rủi ro trong kinh doanh. Hiện nay, ở Việt Nam, việc tham vấn doanh nghiệp đã được thực hiện thường xuyên, giúp doanh nghiệp tham gia vào quá trình hình thành chính sách, pháp luật và tạo điều kiện cho nhà nước tập trung vào nhiệm vụ quản lý.

Khi phân tích tác động của TPP đối với dự luật tiếp cận thông tin, TS. Nhung nhận định rằng các quy định của TPP dễ tiếp cận hơn so với WTO, tương đối hoàn thiện và có tính logic cao, bao gồm nhiều nội dung mà pháp luật Việt Nam chưa đề cập đến. TPP quy định về quyền tiếp cận thông tin ở 6 khía cạnh chính là: các loại văn bản công khai, hình thức công khai, thủ tục công khai thông tin, giới hạn về quyền tiếp cận thông tin, cơ chế giám sát và bảo vệ quyền tiếp cận thông tin, và cơ chế phản hồi thông tin.

*Thứ nhất*, các loại văn bản TPP **bắt buộc** các nước thành viên phải công khai là đạo luật, quy định, thủ tục và quyết định hành chính có giá trị áp dụng chung liên quan đến bất kỳ vấn đề nào quy định tại TPP. Điểm lưu ý là các quyết định hành chính có giá trị áp dụng chung bao gồm các văn bản hướng dẫn ngành mà các Bộ trả lời cho các cá nhân, tổ chức trong việc giải thích, áp dụng các quy định pháp luật cụ thể. Quy định này mở ra cơ hội cho Việt Nam xem xét lại quan niệm truyền thống của Việt Nam về các văn bản quy phạm pháp luật, chỉ cần là những văn bản có giá trị áp dụng chung thì phải công khai cho người dân. Các thành viên **cần** công khai các dự thảo văn bản bao gồm việc công bố trước các biện pháp được đề xuất trong các đạo luật, quy định, thủ tục và quyết định hành chính áp dụng. Ngoài ra, TPP cũng khuyến khích các nước thành viên **nên** đính kèm các bản dự thảo là các văn bản giải trình giải thích về mục đích và lý do cho các quy định được đề xuất, bao gồm cả các báo cáo đánh giá tác động của luật (RIA). Đây là một điểm mới, hữu dụng từ TPP, các văn bản này sẽ giúp công dân hiểu được lý do chính đáng của dự luật, tạo cho những người quan tâm và các bên cơ hội để góp ý cho các dự thảo luật. WTO và TPP đã có tác động khá lớn đến luật tiếp cận thông tin và đẩy nhanh tiến trình

thông qua dự thảo luật này. Những dự thảo Luật tiếp cận thông tin được soạn thảo từ thời điểm tháng 1/2016 đã có sự tiếp thu đáng kể từ các quy định của WTO và TPP về những văn bản bắt buộc công khai.

*Thứ hai*, hình thức công khai thông tin mà TPP đề xuất đối với **văn bản bắt buộc phải công khai** là “công bố kịp thời các quy định trên một trang thông tin điện tử chính thức hoặc một tạp chí chính thức lưu hành quốc gia” [Điểm a, Khoản 5, Điều 26.2 TPP], và đối với **văn bản khuyến nghị công khai** là “công khai các quy định được đề xuất trên một tạp chí chính thức, hoặc trên một trang web chính thức, tốt nhất là trực tuyến và hợp nhất thành một cổng duy nhất” [Điểm a, Khoản 4, Điều 26.2 TPP]. Việt Nam về cơ bản đáp ứng quy định của TPP, đã có trang thông tin của quốc hội và chính phủ đăng tải các dự thảo luật và văn bản chính thức, đăng công báo với các văn bản pháp luật trước khi có hiệu lực. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chưa có điều luật nào quy định hình thức công khai các văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung.

*Thứ ba* về thủ tục công khai, TPP yêu cầu các nước thành viên phải công bố **kịp thời các văn bản bắt buộc công khai**. “Kịp thời” là khoảng thời gian đủ để các chủ thể quan tâm và chủ thể bị tác động có thể làm quen với các quy định này. Thông thường, Việt Nam công bố các văn bản quy phạm pháp luật khoảng 6 tháng trước khi có hiệu lực, đủ để các chủ thể liên quan tìm hiểu và làm quen, tương đối tương thích với TPP. Đối với **văn bản khuyến khích công khai**, theo TPP, quốc gia nên cố gắng công khai các quy định được đề xuất ít nhất **60 ngày** trước ngày các ý kiến được xác định và trong một khoảng thời gian phù hợp để các chủ thể quan tâm có thể đủ thời gian phân tích, xây dựng và trình bày ý kiến đánh giá về các quy định được đề xuất. Việt Nam hiện cũng quy định công khai các dự thảo văn bản và tờ trình trên cổng thông tin điện tử ít nhất 60 ngày trước khi quyết định ban hành, gần như tương thích hoàn toàn với yêu cầu của TPP.

*Thứ tư*, Điều 29.7 TPP xác định nguyên tắc chung về giới hạn quyền tiếp cận thông tin là: không quy định nào của hiệp định này được hiểu là yêu cầu một bên cung cấp hoặc cho phép tiếp cận các thông tin mà việc tiết lộ các thông tin đó sẽ đi ngược lại pháp luật trong

nước của bên đó hoặc ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật hoặc đi ngược lại lợi ích công cộng, hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích thương mại hợp pháp của các doanh nghiệp, công cộng hoặc tư nhân. Như vậy, TPP cho phép mỗi quốc gia được lựa chọn khác nhau trong quy định về giới hạn quyền tiếp cận thông tin theo pháp luật của mình. Tuy nhiên, điều này phải dựa trên thông lệ quốc tế, mỗi quốc gia không thể tự đưa ra các giới hạn phi lý. Trong Công ước về quyền dân sự, chính trị, quyền tiếp cận thông tin chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật vì nhu cầu tôn trọng những quyền tự do, thanh danh của người khác và an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng hay đạo lý. Trong Hiến pháp Việt Nam 2013, các giới hạn quyền con người chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật “vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng” và “lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác”. Như vậy, các quy định của Việt Nam là tương thích với thông lệ quốc tế.

*Thứ năm* về cơ chế giám sát và bảo vệ quyền tiếp cận thông tin. Cơ chế giám sát bao gồm rà soát và chỉnh sửa lại các quyết định hành chính cuối cùng liên quan đến bất kỳ vấn đề nào thuộc phạm vi Hiệp định TPP. Cơ chế bảo vệ yêu cầu thành lập cơ quan tài phán đối với các vi phạm quyền tiếp cận thông tin, các cơ quan xét xử sẽ phải công bằng và độc lập với các cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thực thi hành chính. Trong dự thảo Luật về tiếp cận thông tin của Việt Nam, việc giám sát bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin thuộc trách nhiệm của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên. Những cơ quan này không hoàn toàn độc lập và không đủ năng lực để thực hiện yêu cầu giám sát của TPP.

Ngay từ khi soạn thảo dự luật đầu tiên, Bộ Tư pháp đã đưa ra hai cơ chế giám sát để Quốc hội lựa chọn, đó là: thành lập ủy ban thông tin hoặc thành lập Ombudsman. Bộ Tư pháp nghiêng về phía thành lập Ủy ban thông tin độc lập với Quốc hội, thực hiện vai trò giám sát việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân. Ủy ban sẽ tiếp nhận các khiếu nại liên quan đến quyền tiếp cận thông tin và thực hiện điều tra, đưa ra các phán quyết hiệu quả nhờ vào tính độc lập của mình. Bên cạnh đó, TS. Nhung cho rằng cần có

cơ chế tài phán đối với các xâm phạm về quyền tiếp cận thông tin. Các cơ chế tòa án hiện nay ở Việt Nam dựa trên tố tụng hành chính, dân sự và hình sự. Các cơ chế này đều không hiệu quả, nhiều vụ kiện kéo dài từ 2 đến 10 năm mới giải quyết được tranh chấp, dẫn đến giá trị và tính mới của thông tin bị mất, không đảm bảo quyền lợi trong tiếp cận thông tin cho người dân. Như vậy, rất cần thiết thành lập một ủy ban thông tin không chỉ để giám sát việc cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước cho người dân mà còn để hướng dẫn người dân tiếp cận thông tin đồng thời là cơ chế tư vấn, hỗ trợ khiếu nại, khởi kiện hợp lý và nhanh nhất cho người dân.

*Thứ sáu*, về cơ chế phản hồi thông tin, TPP xác định một chủ thể trong một quan hệ hành chính cụ thể sẽ có hai quyền: (1) Quyền được giải thích về quy trình thủ tục hành chính sẽ áp dụng và các quyền hợp pháp của mình; (2) Quyền được trao cơ hội để trình bày trước khi cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp hành chính cụ thể. Dự luật tiếp cận thông tin chưa đề cập đến cơ chế phản hồi thông tin, do đó cần phải bổ sung trong thời gian tới.

Về phạm vi tác động, TPP chỉ quy định tác động tới các thông tin do nhà nước nắm giữ, cụ thể là các quy định về chính sách có liên quan đến các vấn đề được quy định trong TPP. Dù phạm vi hẹp như vậy nhưng các quy định này đã có tác động lớn trong thay đổi tư duy pháp lý của Việt Nam về nguồn luật, về quy định văn bản quy phạm pháp luật. TPP đã giúp ghi nhận một nguyên tắc chung trong quyền tiếp cận thông tin của Việt Nam là các thủ tục hành chính có giá trị áp dụng chung đều phải được công khai rộng rãi một cách chủ động cho người dân, người dân không phải tự đi tìm kiếm hay yêu cầu. Hơn nữa, ở một mặt nào đó, TPP cũng có tác động đẩy nhanh tiến độ thông qua dự luật này.

Nhìn chung, các quy định của TPP mang tính toàn diện khá cao xét về góc độ bảo đảm thực hiện quyền, thể hiện tư duy pháp lý của những quốc gia phát triển. Mặc dù chỉ với rất ít các điều luật cơ bản, TPP đã bao quát gần như đầy đủ khung pháp lý cho quyền tiếp cận thông tin, góp thêm một động lực mới cho Việt Nam trong tiến trình minh bạch thể chế. Những điểm chưa tương thích của pháp luật Việt Nam hiện hành cũng như dự luật

tiếp cận thông tin chắc chắn sẽ được chỉnh sửa trong tương lai khi Việt Nam đứng trước trách nhiệm thực hiện các cam kết trong TPP. Qua đó, quyền của người dân về tiếp cận thông tin sẽ được mở rộng, nhà nước trở nên minh bạch hơn và với sự góp ý của người dân, hiệu quả quản lý sẽ được nâng cao. Cuối cùng, một vấn đề được gợi mở để những nhà nghiên cứu luật cùng tìm hiểu là sự phù hợp của các khái niệm về văn bản quy phạm pháp luật và nguồn luật của Việt Nam hiện nay.

## **THẢO LUẬN**

Mở đầu phần thảo luận, khách mời đặt vấn đề rằng thực tế cho thấy sự thiếu thông tin về những văn bản hành chính như vậy thường đặt các doanh nghiệp đứng trước những rủi ro bị xử phạt lớn do vi phạm hành chính, khiến các doanh nghiệp có xu hướng buộc phải tìm cách hồi lộ để giảm thiệt hại. Vậy, với quy định về công khai các văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung, chúng ta có thể hy vọng tình trạng tham nhũng sẽ giảm hay không? Theo TS. Nhung, tham nhũng và minh bạch là hai vấn đề quan hệ mật thiết. Trước khi có luật về tiếp cận thông tin, chúng ta thường tìm hiểu các quy định này qua luật phòng chống tham nhũng. Hiện tại, thông tin không minh bạch, các quy định và chính sách được ban hành thường ảnh hưởng đến những lợi ích mâu thuẫn nhau giữa các nhóm lợi ích, khi đó nhóm nào yếu thế hơn sẽ chịu thiệt thòi. Trong trường hợp thông tin minh bạch, quá trình soạn thảo sẽ nhận được nhiều sự góp ý từ các bên liên quan, đảm bảo chính sách được xây dựng hiệu quả, đem lại lợi ích hài hòa cho các bên. Qua đó, triết tiêu khả năng tham nhũng của các cán bộ quản lý nhằm đem lại lợi ích cho một bên nào đó trong khi gây thiệt hại cho những bên còn lại. TPP không quy định cơ chế khởi kiện dành cho các vấn đề tiếp cận thông tin nên những doanh nghiệp nước ngoài không thể khởi kiện khi bị thiệt hại do nhà nước không công khai thông tin. Tuy nhiên, nếu Việt Nam muốn phát triển và thu hút vốn đầu tư nước ngoài thì rõ ràng cần phải thực hiện minh bạch thông tin. Đây là những tác động mềm buộc Việt Nam phải xây dựng thể chế minh bạch và hoàn thiện luật tiếp cận thông tin.





*Hình 2: Khung cảnh tọa đàm buổi tọa đàm*

Có thể nói điểm sáng của TPP đối với quyền tiếp cận thông tin của người dân là Việt Nam phải công khai những văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung. Nhưng thế nào là một văn bản hành chính “có giá trị áp dụng chung”? TS. Nhung cho biết, Điều 26.4 TPP quy định “áp dụng chung” là các văn bản hành chính có giá trị ở cấp trung ương, ngoài ra không có một văn bản nào chỉ rõ nội hàm thế nào là quyết định hành chính có giá trị áp dụng chung. Chúng ta có thể hiểu đó là những văn bản mà các cơ quan nhà nước dựa vào đó để giải quyết các vấn đề của người dân một cách rộng rãi. Một khách mời khác bổ sung rằng “áp dụng chung” ở đây có thể được hiểu là những quy định áp dụng không chỉ cho một người, một trường hợp cụ thể, chẳng hạn các công văn giải thích của cơ quan thuế cho một trường hợp cụ thể cũng được sử dụng để áp dụng cho các trường hợp tương tự khác. TS. Nhung hoàn toàn đồng ý với cách giải thích này.

Với quan điểm cho rằng trong xã hội chưa phát triển, càng bí mật thông tin thì tin đồn càng nhiều, một khách mời cho rằng vấn đề tiếp cận thông tin không chỉ ở khía cạnh các văn bản mà còn về quan điểm. Chẳng hạn người dân muốn biết và phải được quyền biết quan điểm của nhà nước như thế nào khi không kiện Trung Quốc ra tòa án về việc xâm phạm chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông. Cơ chế giám sát nào có thể đảm bảo cho

quyền tiếp cận thông tin của người dân được thực hiện đầy đủ? TS. Nhưng cho rằng quyền về tiếp cận thông tin đã được quy định trong Hiến pháp, nhưng có thực hiện được, đảm bảo được quyền lợi cho người dân trên thực tế hay không thì phải dựa vào các cơ chế giám sát, bao gồm cơ chế giám sát của nhà nước và cơ chế giám sát của xã hội. Giám sát của nhà nước là nghĩa vụ, được quy định cụ thể trong luật, còn cơ chế giám sát của người dân, xã hội không phải là nghĩa vụ bắt buộc đối với người dân. Người dân có thể đưa ra các giám sát bằng cách đưa thông tin ra báo chí, hay tố cáo, khiếu kiện tại tòa án hành chính, dân sự.

Trong quy định của TPP, các dự thảo, tờ trình ban hành luật phải được công khai. Nhưng theo khách mời, tại Việt Nam cho dù có thực hiện quy định này thì cũng không hiệu quả. Vì thực tế, các dự thảo luật hiện cũng được tổ chức lấy ý kiến đóng góp từ rất nhiều đơn vị ở các cấp. Nhưng kết quả ban hành luật cho thấy hầu như không có sự ghi nhận những ý kiến đóng góp này, nghĩa là việc lấy ý kiến chỉ mang tính hình thức. Như vậy, quyền tiếp cận thông tin cũng không thể giúp nâng cao chất lượng lập pháp và bảo đảm quyền lợi của người dân, hạn chế tình trạng tham nhũng. Theo TS. Nhưng, cho dù luật được ban hành thì kết quả thực thi còn phụ thuộc vào quyết tâm chính trị của cơ quan nhà nước và người dân. Thực tế vẫn còn những mảng tối trong quá trình ban hành chính sách vì về mặt lý luận và thực tiễn, chúng ta chưa phân định được vai trò của Đảng và Nhà nước. Điển hình như Luật tiếp cận thông tin phải mất tới 8 năm để soạn thảo và các quy định được thay đổi liên tục, thậm chí điều chỉnh ngược nhau trong suốt quá trình soạn thảo.

Khách mời khác nhận định rằng đọc nội dung toàn văn hiệp định của TPP có thể thấy quy định rải rác về quyền tiếp cận thông tin và về sự tham gia của người dân trong các vấn đề khác nhau như về chống tham nhũng hay bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, dường như chế tài của TPP để đảm bảo các quyền lợi của người dân vẫn còn yếu, nếu chính quyền các nước không thực thi các quy định này thì sẽ bị xử lý ra sao? TS. Nhưng cho biết Điều 29.7 của TPP có ghi rõ những quyền này sẽ phải được thể chế thành luật, tức là phải xây dựng xã hội pháp quyền và không trái với những quy định pháp luật của quốc gia.

Một khách mời muốn biết Việt Nam đã có báo cáo nào đánh giá hiệu quả tác động của TPP đến quyền tiếp cận thông tin của người dân hay chưa? Làm sao để chúng ta có thể kiểm tra được rằng các văn bản hành chính áp dụng chung có được công khai hết hay không? Theo TS. Nhung muốn đánh giá tác động thì cần có các tiêu chí cụ thể, đặc biệt là đánh giá tác động của luật vì có rất nhiều biến số khác nhau, do đó rất khó thực hiện. Năm 2011, với sự tài trợ lớn của các tổ chức quốc tế thì Việt Nam cũng chỉ tổ chức đánh giá được quyền tiếp cận thông tin của người dân ở 7 tỉnh trên cả nước. Hiện tại, dự luật đã quy định những thông tin bắt buộc công khai trong đó có các quy định hành chính có giá trị áp dụng chung nhưng chưa có quy định cụ thể về thủ tục và hình thức công khai. Theo truyền thống pháp luật của Việt Nam, những vấn đề này có thể sẽ được quy định trong các nghị định, thông tư hướng dẫn của chính phủ.

Thứ sáu, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Thư ký Seminar

Doãn Thị Thanh Thủy